

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT

Ngày: 08-12-2020

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng  
và Kiện đòi tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Châu Thạch

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Mạnh Hùng

Bà Lê Thị Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án, Tòa  
án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Ông Đỗ Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT – KDTM ngày 12 tháng  
10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng và Kiện đòi tài sản”.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày  
29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 332/2020/QĐ-PT ngày  
27/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 130/2020/QĐ-PT ngày  
18/11/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A). Địa chỉ: số 442, đường N,  
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: số 13 -13A, đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Đỗ Minh T, là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc).

+ Ông Đào Hoàng N, sinh năm: 1992, là người đại diện theo ủy quyền  
(Văn bản ủy quyền số 789/UQ-QLN.19 ngày 23/12/2019), có mặt.

*Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Địa chỉ: số 21, đường N, tổ dân  
phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Thùy Tr, sinh năm: 1986; là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chu Việt D, sinh năm: 1980; cư trú tại số 21, đường N, tổ dân phố T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Á (A) – Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện 15/3/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần Á (gọi tắt là A), lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Nguyễn Thái L, người đại diện theo ủy quyền của ACB, thì:

Vào ngày 04/02/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn A (gọi tắt là Công ty A) do Bà Lê Thị Thùy Tr làm Giám đốc có vay vốn của A, Chi nhánh tỉnh L, Phòng giao dịch Đ số tiền 457.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số DRT.DN.618.040216 (số tham chiếu 211365389) ngày 04/02/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số DRT.DN.618.040216/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 về việc sửa đổi, bổ sung số tiền cho vay và tài sản bảo đảm, thời hạn vay là 48 tháng tính từ ngày 05/02/2016 đến ngày 05/02/2020, việc vay vốn được đảm bảo bằng biện pháp bảo đảm như sau:

Thế chấp xe tải hiệu Mazda mang biển số 49C- 105.98 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số DRT.BĐ DN.25.040216, đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đ ngày 05/02/2016, số đăng ký 1205178048.

Cam kết trả nợ của Ông Chu Việt D và Bà Lê Thị Thùy Tr theo giấy cam kết trả nợ ngày 20/01/2017.

Sau khi hợp đồng được ký kết thì Công ty A đã nhận đủ số tiền 457.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã không thực hiện đúng cam kết trả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần có Văn bản nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty A vẫn không có thiện chí thực hiện Hợp đồng. Hợp đồng nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn, nay A, Chi nhánh tỉnh L, Phòng giao dịch Đ yêu cầu cụ thể như sau:

Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 227.706.041đ (trong đó tiền gốc là 199.937.500đ + số tiền lãi tính đến ngày 18/02/2019 là 21.462.018đ + Phạt chậm trả là 1.156.523đ + Phí bảo hiểm là 5.150.000đ) và tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả nợ xong.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số DRT.BĐ DN.25.040216 ngày 04/02/2016 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Tại Bản án số 03/2020/KDTM-ST ngày 29/11/2019; Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á, Chi nhánh tỉnh L, Phòng giao dịch Đ.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á, Chi nhánh tỉnh L, Phòng giao dịch Đ số tiền 227.706.041đ.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số DRT.BĐ DN 25.040216 ngày 04/02/2016 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngày 12/12/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần Á có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc Công ty A phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/02/2019 đến ngày trả dứt nợ đồng thời buộc vợ chồng ông D, bà Tr có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với Công ty A.

*Tại phiên tòa,*

Ông Đào Hoàng N, người đại diện theo ủy quyền của A, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của A, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xuất phát từ việc giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Á, Chi nhánh tỉnh L, Phòng giao dịch Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn A có xác lập Hợp đồng tín dụng theo đó Công ty A vay của Ngân hàng số tiền 457.000.000đ và thế chấp xe tải hiệu Mazda mang biển số 49C-105.98 để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng; Công ty A đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo nội dung của Hợp đồng đã ký kết nên nay Ngân hàng yêu cầu Công ty A và vợ chồng ông Chu Việt D, bà Lê Thị Thùy Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và lãi còn thiếu cùng với lãi phạt chậm trả và phí bảo hiểm xe ô tô cho Ngân hàng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” là chưa đầy đủ, cần xác

định thêm quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Kiện đòi tài sản*” mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đến lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của A thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 19/02/2019 đến ngày bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ:

Ngày 15/3/2019 A có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty A phải trả tổng số tiền là 227.706.041đ; trong đó tiền gốc là 199.937.500đ, tiền lãi tính đến ngày 18/02/2019 là 21.462.018đ, tiền phạt lãi chậm trả là 1.156.523đ cùng phí bảo hiểm là 5.150.000đ; yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận kể từ ngày 19/02/2019 cho đến khi trả nợ xong.

Cấp sơ thẩm đánh giá các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, buộc bị đơn phải trả tiền gốc và lãi suất còn thiếu là phù hợp. Tuy nhiên như đã phân tích nói trên, số tiền 21.462.018đ là tiền lãi mà bị đơn nợ đến ngày 18/02/2019; quá trình giải quyết cấp sơ thẩm không buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 19/02/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm mà lại tuyên kể từ ngày tiếp theo ngày 15/3/2019 bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết là không đúng; do vậy kháng cáo của A đối với phần tính lãi của cấp sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận, cần sửa lại phần này.

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số DTR.DN.618.040216, số tham chiếu 211365389 ngày 04/02/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số DTR.DN.618.040216/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 giữa Công ty A và A thì các bên thỏa thuận lãi suất vay là 8,5%/năm, lãi suất vay ngày 10,5%/năm; lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu; lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay (%/năm) =  $LS_{12} + 3,6\% + X$ ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của A cung cấp chứng cứ thể hiện lãi suất mà Công ty A phải chịu là 18,75%/năm nên cần căn cứ vào đây để tính tiền lãi mà Công ty A phải chịu.

Như vậy tiền lãi từ ngày 19/02/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 10/12/2020) số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán là: 67.791.308đ (199.937.500đ x 1,5625%/tháng). Tổng cộng tiền lãi mà bị đơn phải trả là 89.253.326đ.

[3.2] Đối với yêu cầu vợ chồng ông Chu Việt D, bà Lê Thị Thùy Tr có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 20/01/2017 thì thấy rằng: tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/11/2019, ông Nguyễn Thái L, người đại diện hợp pháp của A chỉ yêu cầu Công ty A trả nợ, không yêu cầu vợ chồng ông D, bà Tr cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ nói trên. So với nội dung đơn khởi kiện ban đầu thì việc tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt và phí bảo hiểm còn thiếu thì xem như rút yêu cầu khởi kiện đối với vợ chồng ông D, bà Tr. Do vậy cấp sơ thẩm không đánh giá tính hợp pháp của giấy cam kết vừa nêu là phù hợp; lẽ ra phải đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng ông D, bà Tr phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bị đơn nhưng Bản án sơ thẩm lại không thể hiện là vi phạm thủ tục tố tụng, tuy nhiên vi phạm này không lớn, không cần phải hủy án sơ thẩm vì khi hủy để giải quyết lại cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Bên cạnh đó, theo biên bản thỏa thuận giá trị tài sản giữa A và Công ty A ngày 04/02/2016 thì giá trị chiếc xe ô tô biển số 49C – 105.98 là 613.000.000đ; đủ để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty A đối với số tiền còn thiếu. Do vậy kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu vợ chồng ông Chu Việt D, bà Lê Thị Thùy Tr có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 20/01/2017 là không có căn cứ xem xét.

[4] Đối với Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số DTR.BĐDN.25.040216 ngày 04/02/2016 giữa Công ty A và A đối với chiếc xe tải hiệu Mazda biển số 49C-105.98 thì thấy rằng, việc giao kết hợp đồng nói trên giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật về thế chấp tài sản là động sản, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đ ngày 05/02/2016, số đăng ký: 1205178048 nên cần tiếp tục duy trì hợp đồng nói trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Đối với việc giải quyết lãi phạt và phí bảo hiểm; sau khi cấp sơ thẩm giải quyết các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

Ngoài ra đối với số tiền lãi phạt chậm trả và phí bảo hiểm mà phần quyết định của Bản án đã buộc bị đơn trả cho nguyên đơn; cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ thi hành án là có thiếu sót nên cần sửa lại phần này.

[7] Về án phí: Công ty A phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ (289.190.826đ x 5%). Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo được chấp nhận nên A không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần Á . Sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Kiện đòi tài sản”.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Buộc Công ty A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Á số tiền 289.190.826đ (hai trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng); {trong đó nợ gốc là 199.937.500đ (một trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng), nợ lãi là 89.253.326đ (tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi ba nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng)}.

3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số DTR.BĐDN.25.040216 ngày 04/02/2016 (được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đ ngày 05/02/2016, số đăng ký: 1205178048) giữa Công ty A và Ngân hàng thương mại cổ phần Á đối với chiếc xe tải hiệu Mazda biển số 49C-105.98 để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Phần Quyết định của Bản án sơ thẩm giải quyết lãi phạt và phí bảo hiểm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty A phải chịu 14.459.600đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Á không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, A được nhận lại số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011289 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần Á không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, A được nhận lại số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016084 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Ông Đào Hoàng N nộp thay).

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Đối với số tiền vay:

Kể từ ngày 09/12/2020, Công ty A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số DTR.DN.618.040216, số tham chiếu 211365389 ngày 04/02/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số DTR.DN.618.040216/SĐBS-01 ngày 05/02/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

6.2. Đối với số tiền phí bảo hiểm:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Huỳnh Châu Thạch**